

Số: 57/2020/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 16 háng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;

Xét Tờ trình số 2779/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người.

Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

b) Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân.

2. Mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân

a) Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và vận chuyển nạn nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức hội sử

dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

b) Chi hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí; Nghị quyết số 54/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước có sử dụng ngân sách tỉnh Cao Bằng”.

c) Chi chế độ làm đêm, làm thêm giờ. Mức chi thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

d) Chi lập hồ sơ nạn nhân, mức chi 100.000 đồng/01 hồ sơ (bao gồm ảnh, biên bản xác minh, biên bản bàn giao nạn nhân).

e) Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân mức chi 150.000 đồng/người/ngày.

g) Chi hỗ trợ cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân.

Mức chi 10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

3. Mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

a) Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (gọi chung là cơ sở): 40.000 đồng/người/ngày. Thời gian hỗ trợ không quá 3 tháng.

Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Nạn nhân trong thời gian tạm trú tại cơ sở được cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt thường ngày và các chi phí khác. Mức chi được tính trên cơ sở giá mua thực tế nhưng không quá 500.000 đồng/nạn nhân.

Chi tiền tàu xe và tiền ăn cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả:

Tiền tàu xe: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông. Trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải cứu, hỗ trợ nạn nhân bố trí cán bộ đưa nạn nhân về nơi cư trú bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận và phù hợp với giá cả trên địa bàn cùng thời điểm.

Tiền ăn trong những ngày đi đường: 70.000 đồng/người/ngày.

b) Chi hỗ trợ y tế

Đối với nạn nhân chưa có thẻ bảo hiểm y tế: Trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Hỗ trợ tiền thuốc thông thường: Trong thời gian nạn nhân lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được hỗ trợ tiền thuốc thông thường theo thực tế phát sinh.

Trường hợp nạn nhân bị ốm nặng phải chuyển đến cơ sở y tế điều trị thì việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng thực hiện theo quy định đối với đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội.

c) Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu

Nạn nhân được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

Trường hợp nạn nhân học nghề theo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Mức hỗ trợ theo chi phí đào tạo nghề ngắn hạn tương ứng tại các cơ sở đào tạo theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục nghề đào tạo và mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo (áp dụng đối với hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập) khi trở về nơi cư trú: 1.000.000 đồng/người.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI, Kỳ họp thứ 15 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nông Thanh Tùng